

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HAVY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HAVY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301036839

**3. Ngày thành lập:** 07/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 26, Đường Đào Duy Anh, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0932 268 999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                  | 2592(Chính)                                                  |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                    | 2610                                                         |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                             | 2740                                                         |
| 4.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                    | 2813                                                         |
| 5.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                     | 2816                                                         |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                    | 3312                                                         |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                       | 3320                                                         |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                         | 4321                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                               | 4322                                                         |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                | 4329                                                         |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                | 4330                                                         |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                           | 4511                                                         |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                               | 4659                                                         |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663                                                         |
| 16. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                | 2511                                                         |
| 17. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                    | 2512                                                         |
| 18. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định; Công ty không thực hiện sản xuất tại trụ sở công ty) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 07/08/2018 đến ngày 06/09/2018

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ HẢI YẾN   | Thôn Đô Xa, Xã Dân Lực, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 3.500.000.000         | 70,000    | 173532949                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                          | Tổng số           | 350.000    | 3.500.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM QUỐC VIỆT   | 1609 CT7A, Khu ĐTM Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    | 033087002398                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                          | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN DANH HIỆP | Thôn Hà Phú 12, Xã Tam Dị, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    | 121859534                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                          | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173532949

Ngày cấp: 26/03/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đô Xa, Xã Dân Lực, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Yên Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh